

-(으)ㄴ세라

e rằng, sợ rằng

Nỗi lo lắng được diễn đạt bằng văn phong văn chương. Nó là -(으)ㄴ까 봐 được nâng lên thành văn viết tiếng Hàn, và bạn sẽ gặp nó trong tiểu thuyết nhiều hơn là trong lời nói.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ세라	깨다 → 깼세라
Kết thúc bằng phụ âm	-을세라	늦다 → 늦을세라
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들세라
Mệnh đề thứ hai	một sự đề phòng	발소리를 죽였다
Không bao giờ mang thì	chỉ dùng gốc từ nguyên dạng	깻을세라 là sai
Dạng văn nói	-(으)ㄴ까 봐	깻까 봐

Khi nào dùng

Gốc từ kết thúc bằng nguyên âm dùng -ㄴ세라, kết thúc bằng phụ âm dùng -을세라, và gốc ㄷ không thêm gì: 만들세라.

Mệnh đề thứ nhất nêu kết quả đáng sợ, và mệnh đề thứ hai mô tả sự cẩn thận để tránh nó: 아이가 깻세라 발소리를 죽였다 — cô ấy nhẹ bước chân vì sợ đánh thức đứa trẻ.

Vì mệnh đề thứ hai là một sự đề phòng, nó thường là một hành động cẩn thận hoặc nhẹ nhàng — 조심스럽게, 살며시, 죽이다, 감추다.

Văn phong mang tính văn chương rõ rệt. Trong hội thoại, -(으)ㄴ까 봐 mới là dạng người ta thực sự dùng.

Ví dụ trong câu

- 1 아이가 깻세라 발소리를 죽이고 걸었다.
Cô ấy bước nhẹ nhàng, e rằng đứa trẻ sẽ thức giấc.
- 2 행여 늦을세라 서둘러 집을 나섰다.
Anh ấy vội vã ra ngoài vì sợ bị muộn.
- 3 눈물을 들킬세라 고개를 돌렸다.
Cô ấy quay mặt đi, sợ người khác thấy mình khóc.
- 4 행여 다칠세라 아이의 손을 꼭 잡았다.
Anh ấy nắm chặt tay đứa bé vì sợ nó bị thương.
- 5 모양이 흐트러질세라 조심스럽게 만들었다.
Anh ấy nặn thật cẩn thận, e rằng nó sẽ mất dáng.
- 6 비밀이 새어 나갈세라 목소리를 낮추었다.
Họ hạ giọng vì sợ bí mật bị lộ ra.

So sánh với

-(으)ㄴ까 봐
Nghĩa giống hết, văn phong thường ngày. -(으)ㄴ까 봐 là dạng người ta nói; -(으)ㄴ세라 thuộc về văn xuôi tự sự.
깻까 봐 조용히 했어요. (văn nói) / 깻세라 발소리를 죽였다. (văn viết)

-지 않도록
-지 않도록 nêu mục đích một cách rõ ràng và trung tính; -(으)ㄴ세라 thêm cảm xúc lo sợ.
깨지 않도록 조용히 했다. (để không đánh thức) / 깻세라 (vì sợ đánh thức)

행여
Trạng từ 행여 — “lỡ như” — thường đi kèm, củng cố sắc thái lo lắng.
행여 늦을세라 / 행여 다칠세라

Lưu ý

- X 아이가 깻을세라 발소리를 죽였다.
O 아이가 깻세라 발소리를 죽였다.
-(으)ㄴ세라 không bao giờ mang thì. Sự việc đáng sợ chưa xảy ra.
- X 모양이 흐트러질세라 크게 흔들었다.
O 모양이 흐트러질세라 조심스럽게 다루었다.
Mệnh đề thứ hai phải là một sự đề phòng. Một hành động bất cẩn sẽ mâu thuẫn với nỗi sợ đã nêu.
- X 야, 늦을세라 빨리 가자.
O 야, 늦을까 봐 빨리 가자.
-(으)ㄴ세라 mang tính văn chương. Trong văn nói, -(으)ㄴ까 봐 là dạng tự nhiên.